


CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
MST: 0104831665

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Công văn số 366 /KTQLB-VP ngày 30/10/2021)

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH					Các hình thức khác					
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	x												Giữ nguyên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giang



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 01 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

Số: 03/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Ban Giám đốc
 Công ty TNHH Kỹ thuật Quân lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quân lý Bay (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 01 năm 2021, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản phải thu lâu ngày chưa thu hồi nợ, với tổng giá trị khoảng 19,3 tỷ đồng (Trong đó: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai 13,4 tỷ đồng, Ban Quản lý Dự án cầu Hải Phòng 5,9 tỷ đồng). Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của những khoản công nợ tồn đọng này. Công ty đã cung cấp cho chúng tôi hồ sơ liên quan đến hai khoản công nợ, nhưng chúng tôi không có được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản công nợ tồn đọng nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số dư công nợ này không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quân lý Bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

- i. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 - Vấn đề sở hữu: Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2020, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- ii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong quý 4 2020, Công ty hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị 25.824.922.731 VND trên cơ sở hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành và Quyết định số 744/QĐ-HĐTV ngày 31/12/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá các dịch vụ: Dịch vụ dẫn đường VORDME, NDB; Dịch vụ giám sát ADS-B; Dịch vụ thoại không địa VHF tại Trường Sa Lớn và Song Tử Tây năm 2020. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.
- iii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố: Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị 98.928.649.914 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến những vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

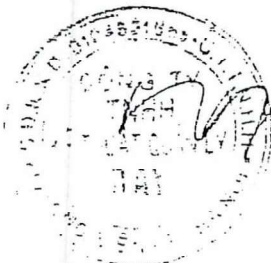
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.235.061.648	296.484.172.822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	172.626.997.086	177.093.511.992
1. Tiền	111		127.626.997.086	73.972.511.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	103.121.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.192.491.801	100.507.881.141
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	67.783.518.695	77.440.832.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.415.872.958	8.752.704.104
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	12.993.100.148	17.680.086.105
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.365.741.657)
III. Hàng tồn kho	140	8	26.194.356.678	17.536.684.887
1. Hàng tồn kho	141		26.194.356.678	17.795.135.089
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(258.450.202)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.221.216.083	1.346.094.802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.157.181.969	1.346.094.802
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	14	3.064.034.114	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.809.446.862	188.668.719.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.200.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.200.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		107.908.905.133	138.617.339.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	103.667.330.892	132.755.242.454
- Nguyên giá	222		607.680.679.002	602.464.525.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.013.348.110)	(469.709.283.422)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	4.241.574.241	5.862.096.723
- Nguyên giá	228		16.244.903.665	16.153.904.242
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.003.329.424)	(10.291.807.519)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.645.361.318	44.720.516.351
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	51.645.361.318	44.720.516.351
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.055.180.411	5.330.863.869
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.158.895.065	1.238.923.329
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.896.285.346	4.091.940.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		456.044.508.510	485.152.892.219

Các thông số minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		176.768.484.202	197.055.306.773
I. Nợ ngắn hạn	310		92.336.596.766	102.717.640.633
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	12.945.914.171	17.050.048.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	8.181.851.235	16.483.860.863
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.321.533.941	9.050.320.166
4. Phải trả người lao động	314		43.599.202.152	41.659.123.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.164.140.859	5.489.757.332
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.949.671.858	2.833.333
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		302.978.642	260.693.889
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		958.130.725	750.955.296
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.913.173.183	11.970.045.844
II. Nợ dài hạn	330		84.431.887.436	94.337.666.140
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	64.013.857.085	74.172.869.020
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		562.942.392	598.015.650
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		19.855.087.959	19.566.781.470
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.276.024.308	288.097.585.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	279.276.024.308	288.097.585.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		279.084.000.000	279.084.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	8.379.272.440
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		192.024.308	634.313.006
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		192.024.308	50.361.294
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	533.951.712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		456.044.508.510	485.152.892.219



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Chung
Kế toán trưởng

Ưông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	248.476.324.755	345.913.793.847
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		248.476.324.755	345.913.793.847
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	186.876.537.231	218.975.855.518
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		61.599.787.524	126.937.938.329
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.124.004.708	2.769.650.258
6. Chi phí tài chính	22		994.456.817	152.103.149
7. Chi phí bán hàng	25	24	347.496.645	195.796.803
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	45.997.826.553	60.282.778.652
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		17.384.012.217	69.076.909.983
10. Thu nhập khác	31	22	610.237.855	909.564.182
11. Chi phí khác	32	23	417.601.379	64.342.114
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		192.636.476	845.222.068
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.576.648.693	69.922.132.051
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.547.962.934	14.753.686.112
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.028.685.759	55.168.445.939



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Chung
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	262.732.275.410	419.089.545.348
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(74.520.951.823)	(83.384.201.638)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(87.192.246.457)	(87.284.173.705)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(9.311.491.432)	(14.850.373.421)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.107.187.149	16.162.277.356
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(76.337.663.551)	(106.455.615.708)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>18.477.109.296</i>	<i>143.277.458.232</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.541.424.371)	(56.315.922.005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	13.535.500	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.181.661.436	2.224.382.490
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(15.346.227.435)</i>	<i>(54.091.539.515)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35	(7.688.625.961)	(18.998.754.664)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(7.688.625.961)</i>	<i>(18.998.754.664)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	<i>(4.557.744.100)</i>	<i>70.187.164.053</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	177.093.511.992	106.914.380.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	91.229.194	(8.032.220)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	172.626.997.086	177.093.511.992



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Chung
Kế toán trưởng

Ưông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên sửa đổi lần 8 vào ngày 15 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 VND.

Trụ sở chính đặt tại số 5 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 595 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 411 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chi tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động); Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia;*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lắp trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cao thủ, ết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động bảo chi).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Hoạt động chính

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không.

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11/01/2018 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015).

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các công ty con của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Lước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong năm. Theo Ban Giám đốc đây là số vật tư, công cụ dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng nên Công ty xác định không trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2020
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị chương trình phần mềm, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Chương trình phần mềm và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, các khoản trả trước cho nhiều kỳ.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trích lập quỹ trong năm phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam. Trong năm Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Quy chế tài chính của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chú thích này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	849.062.972	864.225.515
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.777.954.114	73.108.286.477
Các khoản tương đương tiền (i)	45.000.000.000	103.121.000.000
	172.626.997.086	177.093.511.992

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	67.783.518.695	77.440.832.589
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	28.959.206.131	51.761.497.896
Công ty Cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	13.450.942.965	13.450.942.965
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	5.900.422.213	5.900.422.213
Cảng HKQT Đà Nẵng - CN TCT CHKVN	5.288.736.821	-
Các đối tượng khác	14.184.210.565	6.327.969.515
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (i)	30.508.512.038	52.129.300.862

Ghi chú:

(i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 26 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Hà Nội	1.499.051.606	1.499.051.606
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 279	803.827.161	803.827.161
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện lạnh VINASHIN	-	2.520.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Dзі An	938.258.310	1.859.193.510
Công ty Cổ phần Giải pháp kỹ thuật Toàn Cầu	763.963.650	763.963.650
Các đối tượng khác	2.410.772.231	1.306.668.177
	6.415.872.958	8.752.704.104

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>12.993.100.148</i>	-	<i>17.680.086.105</i>	-
Tạm ứng	828.029.000	-	1.055.551.179	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.760.773.334	-	15.743.783.457	-
Phải thu TCT về lợi nhuận nộp thừa	3.880.595.606	-	-	-
Phải thu khác	523.702.208	-	880.751.469	-
<i>b) Phải thu khác dài hạn</i>	<i>1.200.000.000</i>	-	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.200.000.000	-	-	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	14.443.645	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.556.621.204	-	5.367.080.676	(242.114.584)
Công cụ, dụng cụ	171.390.292	-	197.773.319	(10.518.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.536.910.186	-	11.602.417.732	-
Thành phẩm	929.434.996	-	613.419.717	(5.817.618)
Hàng hoá	-	-	-	-
	26.194.356.678	-	17.795.135.089	(258.450.202)

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
Số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, TP. Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	98.202.608.601	494.727.064.474	7.805.583.125	1.729.269.676	602.464.525.876
Mua sắm mới trong năm	-	2.516.173.895	1.243.025.352	-	3.759.199.247
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.889.596.731	346.325.096	-	-	2.235.921.827
Tăng do TS hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	243.574.677	-	-	243.574.677
Tăng do điều chỉnh quyết toán xây dựng cơ bản	2.514.942.961	1.071.538.270	-	-	3.586.481.231
Giảm do điều chỉnh quyết toán xây dựng cơ bản	(96.400.774)	-	-	-	(96.400.774)
Giảm thanh lý	(546.119.551)	(2.540.694.384)	(1.040.641.100)	(385.168.047)	(4.512.623.082)
Số dư cuối năm	101.964.627.968	496.363.982.028	8.007.967.377	1.344.101.629	607.680.679.002
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KỀ					
Số dư đầu năm	56.474.261.778	404.627.492.282	7.125.458.591	1.482.070.771	469.709.283.422
Khấu hao trong năm	5.471.886.752	33.020.029.393	238.345.447	86.426.178	38.816.687.770
Giảm do thanh lý	(546.119.551)	(2.540.694.384)	(1.040.641.100)	(385.168.047)	(4.512.623.082)
Số dư cuối năm	61.400.028.979	435.106.827.291	6.323.162.938	1.183.328.902	504.013.348.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	41.728.346.823	90.099.572.192	680.124.534	247.198.905	132.755.242.454
Số dư cuối năm	40.564.598.989	61.257.154.737	1.684.804.439	160.772.727	103.667.330.892

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 328.812.989.490 VND (tại ngày 31/12/2019 là 283.259.476.599 VND). Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 31.034.400 VND (tại ngày 31/12/2019 là 4.018.342.390 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.609.241.704	3.544.662.538	16.153.904.242
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tăng do TS hình thành từ quỹ PTKHCN	-	175.492.407	175.492.407
Giảm do thanh lý	-	(46.441.914)	(46.441.914)
Giảm khác	(38.051.070)	-	(38.051.070)
Số dư cuối năm	12.571.190.634	3.673.713.031	16.244.903.665
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	7.110.404.081	3.181.403.438	10.291.807.519
Khấu hao trong năm	1.639.464.300	141.662.401	1.781.126.701
Giảm do thanh lý	-	(46.441.914)	(46.441.914)
Giảm khác	(23.162.882)	-	(23.162.882)
Số dư cuối năm	8.726.705.499	3.276.623.925	12.003.329.424
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	3.844.485.135	397.089.106	4.241.574.241
Số dư đầu năm	5.498.837.623	363.259.100	5.862.096.723

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.803.592.829 VND (tại ngày 31/12/2019 là 3.803.592.829 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 0 VND (tại ngày 31/12/2019 là 46.441.914 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay tại 58 Trường Sơn	43.212.538.410	36.476.719.355
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Rạch Giá	7.611.561.936	7.451.599.691
Công trình khác	821.260.972	792.197.305
	51.645.361.318	44.720.516.351

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.945.914.171	12.945.914.171	17.050.048.249	17.050.048.249
Công ty Cổ phần Công nghệ điện lạnh	2.477.219.982	2.477.219.982	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện An Khang	1.482.600.990	1.482.600.990	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Vạn	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030
Công ty Selex Systems Integration Inc	-	-	8.799.695.010	8.799.695.010
Czech Republic (ANS CR)	5.405.576.000	5.405.576.000	-	-
Các đối tượng khác	2.437.732.169	2.437.732.169	7.107.568.209	7.107.568.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.181.851.235	16.483.860.863
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	9.397.725.150
Công ty Selex Systems Integration Inc	3.549.464.760	2.014.741.560
Công ty Japan Radio Co., Ltd	4.632.386.475	2.590.199.040
Các đối tượng khác	-	2.481.195.113
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	64.013.857.085	74.172.869.020
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	64.013.857.085	74.172.869.020

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Phải nộp	9.050.320.166	28.482.713.184	34.211.499.409	3.321.533.941
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.895.032.145	14.208.898.608	16.786.891.504	3.317.039.250
- Thuế thu nhập cá nhân	121.937.665	5.501.688.455	5.619.131.429	4.494.691
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.699.494.384	3.547.962.934	6.247.457.318	-
- Thuế nộp thay nhà thầu	-	3.192.564.523	3.192.564.523	-
- Thuế đất	333.855.971	2.025.598.664	2.359.454.635	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
- Các khoản khác	-	-	-	-
b) Phải thu	-	-	3.064.034.114	3.064.034.114
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.064.034.114	3.064.034.114
	<u>9.050.320.166</u>	<u>28.482.713.184</u>	<u>37.275.533.523</u>	<u>6.385.568.055</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	2.989.291.262	2.989.291.262	5.008.445.839	5.008.445.839
Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đang ...	373.849.597	373.849.597	481.311.493	481.311.493
Chi phí trích trước để quyết toán dự án VHF Cà Mau	801.000.000	801.000.000	-	-
	<u>4.164.140.859</u>	<u>4.164.140.859</u>	<u>5.489.757.332</u>	<u>5.489.757.332</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	279.084.000.000	-	1.556.768.393	6.118.751.178	286.759.519.571
Lãi trong năm	-	-	-	55.168.445.939	55.168.445.939
Tăng trong năm	-	307.879.794	-	-	307.879.794
Giảm trong năm	-	(307.879.794)	-	-	(307.879.794)
Chuyển lợi nhuận sau thuế và Quỹ D'IPT về Tổng Công ty	-	-	(9.685.530.831)	(18.998.754.664)	(28.684.285.495)
Phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	16.508.034.878	(41.654.129.447)	(25.146.094.569)
Số dư đầu năm nay	279.084.000.000	-	8.379.272.440	634.313.006	288.097.585.446
Lãi trong năm	-	-	-	14.028.685.759	14.028.685.759
Tăng trong năm	-	1.618.813.628	-	-	1.618.813.628
Giảm trong năm	-	(1.618.813.628)	-	-	(1.618.813.628)
Điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	3.365.741.657	3.365.741.657
Nộp lợi nhuận về Tổng Công ty khoản điều chỉnh của K'TNN	-	-	-	(3.365.741.657)	(3.365.741.657)
Chuyển lợi nhuận sau thuế và Quỹ D'IPT về Tổng Công ty (i)	-	-	(8.379.272.440)	(442.288.698)	(8.821.561.138)
Phân phối lợi nhuận năm 2019 - Trích lập Quỹ K'TPL (ii)	-	-	-	(14.028.685.759)	(14.028.685.759)
Số dư cuối năm nay	279.084.000.000	-	-	192.024.308	279.276.024.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cáo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện nộp lợi nhuận và Quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty theo Quy chế tài chính, cụ thể như sau:

<u>Nội dung</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Số đã nộp về Tổng công ty :	12.702.156.744
- Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2019	442.288.698
- Quỹ đầu tư phát triển còn lại năm 2019	8.379.272.440
- Lợi nhuận sau thuế Quý 1-2020	3.880.595.606
Số phải thu từ Tổng công ty	3.880.595.606
- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 2020 đã nộp TCT nhưng số liệu quyết toán	3.880.595.606

(ii) Tại ngày 31/12/2020, Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên Công ty với số tiền là 14.028.685.759 VND dựa trên kết quả kinh doanh năm 2020. Số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	<u>Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày cuối năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>(%)</u>
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%
	<u>279.084.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>279.084.000.000</u>	<u>100%</u>

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.669.616,03	1.564.820,09
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.421,28	1.421,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
a) Doanh thu	248.476.324.755	345.913.793.847
Doanh thu bán hàng hóa	20.461.374.047	35.658.050.779
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	228.014.950.708	310.255.743.068
b) Doanh thu đối với bên liên quan (ii)	153.578.194.883	236.130.783.179

Ghi chú:

- (i) Trong Quý 4, Công ty hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị 25.824.922.731 VND trên cơ sở hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành và Quyết định số 744/QĐ-HĐTV ngày 31/12/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá các dịch vụ: Dịch vụ dẫn đường VOR/DME, NDB; Dịch vụ giám sát ADS-B; Dịch vụ thoại không địa VHF tại Trường Sa Lớn và Song Tử Tây năm 2020. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức
- (ii) Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 26 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	12.888.906.551	28.315.551.179
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	174.095.135.606	190.642.767.691
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(107.504.926)	17.736.648
	<u>186.876.537.231</u>	<u>218.975.855.518</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.605.214.612	15.322.669.683
Chi phí nhân công (*)	113.227.302.615	120.886.588.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.948.213.839	47.483.011.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.658.021.254	70.442.853.070
Chi phí khác bằng tiền	28.236.118.710	40.510.468.400
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	3.365.741.657
	<u>250.674.871.030</u>	<u>298.011.332.580</u>

Ghi chú: (*) Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị 98.928.649.914 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.214.516.193	2.453.201.930
Lãi chênh lệch tỷ giá	909.488.515	316.448.328
	3.124.004.708	2.769.650.258

22. THU NHẬP KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Thu tiền ký quỹ bảo lãnh bảo hành còn lại	-	582.622.076
Thu bồi thường chi phí đào tạo do nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động	70.410.582	44.055.563
Thu bán thanh lý tài sản	130.100.342	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	385.510.322	-
Các khoản khác	24.216.609	282.886.543
	610.237.855	909.564.182

23. CHI PHÍ KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí khắc phục tồn thất	410.522.770	-
Tiền phạt, truy thu thuế	-	33.776.994
Các khoản khác	7.078.609	30.565.120
	417.601.379	64.342.114

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm	45.997.826.553	60.282.778.652
Tiền lương	32.775.873.470	34.146.373.629
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.221.953.083	26.136.405.023
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	347.496.645	195.796.803
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(725.330.012)	(576.719.871)
Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.022.874.839	772.516.674
Các khoản chi phí bán hàng khác	49.951.818	-
	46.345.323.198	60.478.575.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	17.576.648.693	69.922.132.051
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	163.165.975	3.607.343.038
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>163.165.975</i>	<i>3.882.867.208</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>		<i>(275.524.170)</i>
Thu nhập chịu thuế	17.739.814.668	73.529.475.089
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.547.962.934	14.705.895.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2017, 2018 theo tờ khai điều chỉnh bổ sung	-	47.791.094
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.547.962.934	14.753.686.112

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoảng 163 triệu đồng, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và sổ dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Bán hàng		153.578.194.883	236.130.783.179
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	148.721.346.725	233.006.694.550
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	274.049.055	72.864.630
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.043.600.000	2.143.224.000
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	1.798.301.257	-
Trung tâm Quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBN	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	-
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBN	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	740.897.846	907.999.999
Bên liên quan	Quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		30.508.512.038	52.129.300.862
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	28.959.206.131	51.761.497.896
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	86.868.875	34.869.632
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	1.258.690.125	-
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBN	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	203.746.907	332.933.334
Các khoản phải trả		349.462.906	454.880.200
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBN	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	349.462.906	454.880.200

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
Số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, TP. Hà Nội

MÃ SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỮ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lương	2.489.584.496	2.240.400.000
Thưởng và các khoản khác	36.900.000	96.250.000



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Thị Chung
Kế toán trưởng

Công Thị Thu Huyền
Người lập biểu